HÌNH 1.2

## Phân bố số hố có nguồn đối chiếu trong mẫu

Chỉ các hồ sơ đã đối chiếu; không suy ra tổng toàn quốc

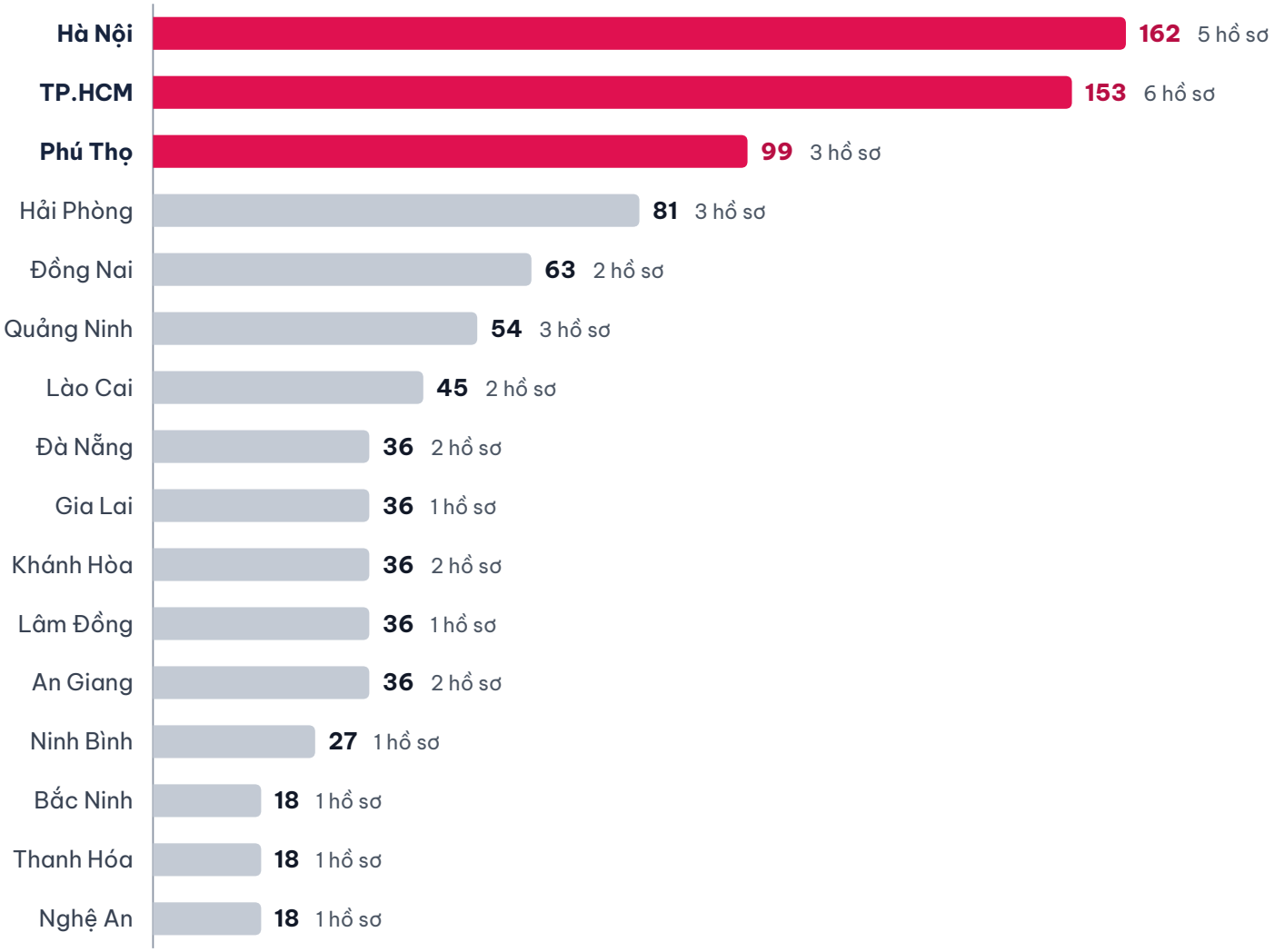


| Nhóm | hố |
|---|---|
| Hà Nội | 162 |
| TP.HCM | 153 |
| Phú Thọ | 99 |
| Hải Phòng | 81 |
| Đồng Nai | 63 |
| Quảng Ninh | 54 |
| Lào Cai | 45 |
| Đà Nẵng | 36 |
| Gia Lai | 36 |
| Khánh Hòa | 36 |
| Lâm Đồng | 36 |
| An Giang | 36 |
| Ninh Bình | 27 |

| Nhóm | hố |
|---|---|
| Bắc Ninh | 18 |
| Thanh Hóa | 18 |
| Nghệ An | 18 |

**Ghi chú:** Tỉnh không xuất hiện có thể chưa được kiểm chứng trong bộ này, không đồng nghĩa không có sân golf.

**Nguồn:** GIV — danh mục biên soạn, xem chứng cứ tại từng hồ sơ